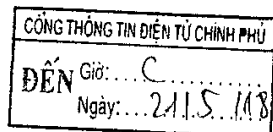


CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018

**NGHỊ ĐỊNH****Quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn
và trang phục, phù hiệu của lực lượng bảo vệ trên tàu***Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;**Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn
và trang phục, phù hiệu của lực lượng bảo vệ trên tàu.***Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và trang phục, phù hiệu của lực lượng bảo vệ trên tàu trên mạng đường sắt quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt trên mạng đường sắt quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ trên tàu.

Chương II**TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA LỰC LƯỢNG BẢO VỆ TRÊN TÀU****Mục 1****TỔ CHỨC CỦA LỰC LƯỢNG BẢO VỆ TRÊN TÀU****Điều 3. Tổ chức của lực lượng bảo vệ trên tàu**

1. Tổ chức của lực lượng bảo vệ trên tàu do doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt quyết định thành lập để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ trên tàu.

2. Lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ bảo vệ trên tàu được tổ chức thành các Đội, Tổ bảo vệ phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 4. Tiêu chuẩn nhân viên bảo vệ trên tàu

Lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ bảo vệ trên tàu là thành viên các Đội, Tổ bảo vệ phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau:

1. Là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, có trình độ văn hóa tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên và đủ sức khỏe thực hiện nhiệm vụ bảo vệ trên tàu.
2. Đã được huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu và có Giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu do cơ quan có thẩm quyền cấp.
3. Đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ an toàn giao thông đường sắt do doanh nghiệp kinh doanh vận tải tổ chức.

Mục 2

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA LỰC LƯỢNG BẢO VỆ TRÊN TÀU

Điều 5. Nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ trên tàu

1. Xây dựng kế hoạch, đề xuất, kiến nghị các biện pháp bảo đảm an ninh trật tự trên tàu với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt.
2. Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi sau đây:
 - a) Đe dọa an toàn chạy tàu;
 - b) Ném các vật từ trên tàu xuống;
 - c) Làm hư hỏng trang thiết bị đoàn tàu, mất vệ sinh trên tàu;
 - d) Gây rối trật tự công cộng trên tàu;
 - đ) Đe dọa sức khỏe, tính mạng của hành khách và người đi tàu;
 - e) Trộm cắp tài sản của hành khách, nhân viên đường sắt, doanh nghiệp, hàng hóa, hành lý vận chuyển trên tàu;
 - g) Các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về phòng chống cháy nổ trên tàu;
 - h) Các hành vi vi phạm pháp luật khác ở trên tàu.
3. Phối hợp với các cơ quan, lực lượng chức năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - a) Trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người thuê vận tải và hành khách đi tàu. Hướng dẫn người thuê vận tải, hành khách đi tàu tham gia bảo vệ an ninh, trật tự trên tàu;

b) Trong việc nắm vững tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên tuyến đường sắt có các đoàn tàu chạy qua;

c) Trong việc rà phá, xử lý bom, mìn, vũ khí sinh học, hóa học, chất phóng xạ, xử lý hành lý, hàng hóa, bưu phẩm và các đồ vật khác chứa vật phẩm nguy hiểm khi vận chuyển trên tàu;

d) Trong việc kiểm soát người và hành khách lên xuống tàu; trong việc giải quyết xử lý các tình huống cháy nổ, khủng bố, buôn lậu gian lận thương mại xảy ra trên tàu; trong việc tổ chức cấp cứu người bị thương trên tàu;

đ) Hỗ trợ Trưởng tàu trong việc thực hiện quyền hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính ở trên tàu;

e) Trong việc giải quyết, khắc phục sự cố thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt;

g) Trong việc ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm khác xảy ra trên tàu.

Điều 6. Quyền hạn của lực lượng bảo vệ trên tàu

1. Kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở người thuê vận tải, hành khách đi tàu chấp hành quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường sắt và nội quy đi tàu của doanh nghiệp.

2. Kiểm soát người lên xuống tàu, kiểm tra hàng hóa, hành lý vận chuyển trên tàu. Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy đi tàu thì thông báo ngay cho Trưởng tàu để xem xét lập biên bản xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Bắt người phạm tội quả tang và thông báo ngay cho Trưởng tàu để lập biên bản vi phạm, bàn giao cho cơ quan Công an, hoặc Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân khi tàu dừng tại ga gần nhất để xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp có lực lượng công an đang làm nhiệm vụ trên tàu thì bàn giao cho lực lượng công an xử lý.

4. Tham gia xác minh những vụ việc xảy ra ở trên tàu theo yêu cầu của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Không được lợi dụng danh nghĩa lực lượng bảo vệ trên tàu để thực hiện hành vi trái pháp luật và xâm phạm lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 7. Chế độ, chính sách

Lực lượng bảo vệ trên tàu được hưởng các quyền lợi và chế độ, chính sách sau đây:

1. Được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ và chuyên môn kỹ thuật thuộc lĩnh vực công tác đang đảm nhận.

2. Được trang bị công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật và các loại trang thiết bị, trang phục, sao hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu theo quy định tại Nghị định này để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu bị thương, bị hy sinh thì được xem xét và có thể được công nhận hưởng chế độ như thương binh, liệt sỹ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng và các hình thức khen thưởng khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Mục 3 **HUẤN LUYỆN, BỒI DƯỠNG, BỔ TÚC NGHIỆP VỤ** **CHO LỰC LƯỢNG BẢO VỆ TRÊN TÀU**

Điều 8. Huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu

1. Chương trình, nội dung huấn luyện nghiệp vụ bao gồm:

a) Về lý thuyết: Huấn luyện kiến thức pháp luật về đảm bảo an ninh trật tự cần thiết đối với lực lượng bảo vệ trên tàu; công tác bảo đảm an ninh, trật tự; công tác tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia bảo vệ an ninh trật tự; công tác nắm tình hình an ninh, trật tự trong hoạt động giao thông vận tải đường sắt; công tác phòng chống cháy nổ và chữa cháy của lực lượng bảo vệ trên tàu, công tác quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ; trình tự kiểm tra giấy tờ tùy thân của người, kiểm tra hành lý, hàng hóa khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trên tàu;

b) Về thực hành: Huấn luyện một số động tác võ thuật cơ bản, kỹ thuật vận động di chuyển trên tàu và cách liên lạc bằng ký, tín hiệu.

2. Thời gian huấn luyện:

a) Tối thiểu 06 ngày làm việc đối với lý thuyết;

b) Tối thiểu 04 ngày làm việc đối với thực hành.

3. Mẫu Giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Bộ Công an tổ chức xây dựng chương trình, nội dung huấn luyện, phân công cơ quan thực hiện việc huấn luyện, cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện và tổ chức huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu theo chương trình, nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 9. Bồi dưỡng nghiệp vụ an toàn giao thông đường sắt

1. Nội dung bồi dưỡng bao gồm:

a) Về lý thuyết: Luật Đường sắt và các văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường sắt; quy định về vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa trên đường sắt; quy định về giải quyết tai nạn, sự cố giao thông đường sắt; quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải đường sắt; cách thức, điều kiện sử dụng một số trang thiết bị trên tàu; trình tự tác nghiệp của nhân viên đường sắt công tác trên tàu; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt; quy trình sơ, cấp cứu nạn nhân;

b) Về thực hành: Thực hành trên tàu các nội dung lý thuyết đã được bồi dưỡng.

2. Thời gian bồi dưỡng:

a) Tối thiểu 06 ngày làm việc đối với lý thuyết;

b) Tối thiểu 02 ngày làm việc đối với thực hành.

3. Việc bồi dưỡng nghiệp vụ an toàn giao thông đường sắt do doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt tổ chức thực hiện.

Điều 10. Bổ túc nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ trên tàu

1. Định kỳ 03 năm một lần, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt có sử dụng lực lượng bảo vệ trên tàu có trách nhiệm phối hợp với cơ quan được Bộ Công an giao thực hiện huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu tổ chức bổ túc ôn luyện, cập nhật các kiến thức liên quan đến nghiệp vụ bảo vệ trên tàu, nghiệp vụ an toàn giao thông đường sắt cho lực lượng bảo vệ trên tàu.

2. Thời gian, nội dung bổ túc nghiệp vụ do doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt và các cơ quan chức năng liên quan thống nhất quyết định.

Chương III

TRANG PHỤC, PHÙ HIỆU CỦA LỰC LƯỢNG BẢO VỆ TRÊN TÀU

Điều 11. Trang phục của lực lượng bảo vệ trên tàu

1. Trang phục của lực lượng bảo vệ trên tàu gồm trang phục nam và nữ đồng nhất theo đúng quy định gồm có: Áo (xuân - hè, thu - đông), quần, mũ kêpi, cà vạt (cravat), thắt lưng, và các trang phục khác (găng tay, bít tất, giày, áo mưa).

2. Áo xuân - hè: Áo sơ mi ngắn tay có nẹp bong ở tay áo, cổ đứng, hai túi ngực có nẹp bong, vai áo có hai quai để cài cấp hiệu, vải màu ghi.